

Số: 104/BC-STP

An Giang, ngày 29 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức chi hỗ trợ đào tạo và mức chi hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại các hợp tác xã nông nghiệp giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh An Giang

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 666/SNNPTNT-CCPTNT ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thẩm định nội dung dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định mức chi hỗ trợ đào tạo và mức chi hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại các hợp tác xã nông nghiệp giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh An Giang. Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức chi hỗ trợ kinh phí ăn ở cho thành viên, người lao động tại hợp tác xã nông nghiệp tham gia đào tạo và mức hỗ trợ hàng tháng đối với lao động trẻ về làm việc tại các hợp tác xã nông nghiệp.

b) Đối tượng áp dụng

Thành viên, người lao động đang làm công tác quản lý, chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ tại các hợp tác xã nông nghiệp, Liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp (gọi tắt là hợp tác xã nông nghiệp).

Lao động trẻ có trình độ tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học về làm việc tại hợp tác xã nông nghiệp.

2. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Quyết định với hệ thống pháp luật

Tại khoản 1 Điều 9 và Điều 10 Thông tư số 124/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính, quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định:

“Điều 9. Nội dung hỗ trợ nâng cao năng lực đối với thành viên, người lao động đang làm công tác quản lý, chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ của các tổ chức kinh tế tập thể (thành viên, người lao động kinh tế tập thể)

1. Nội dung hỗ trợ đào tạo

Chi hỗ trợ kinh phí ăn ở cho học viên ít nhất bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng/01 khóa đào tạo. Mức chi cụ thể phải được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phù hợp với khả năng cân đối của địa phương. Trường hợp khóa đào tạo có thời gian dưới 01 tháng thì thực hiện hỗ trợ theo số ngày thực tế tham gia khóa đào tạo (26 ngày/ 01 tháng).

...

“Điều 10. Nội dung hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể

Mức hỗ trợ hàng tháng ít nhất bằng 1,5 mức lương tối thiểu vùng. Mức chi cụ thể phải được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phù hợp với khả năng cân đối của địa phương.”

Tại khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quy định:

“Điều 27. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.

....”

Căn cứ quy định trên, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Nghị quyết ban hành Quy định mức chi hỗ trợ đào tạo thành viên, lao động tại hợp tác xã nông nghiệp và mức hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại các hợp tác xã nông nghiệp giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh An Giang **là cần thiết và đúng thẩm quyền.**

3. Dự thảo Nghị quyết

a) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh thống nhất cách trình bày văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

“Điều 62. Bố cục của văn bản

4. Nội dung văn bản được trình bày bằng chữ in thường, được dàn đều cả hai lề, kiểu chữ đứng; cỡ chữ từ 13 đến 14; khi xuống dòng, chữ đầu dòng lùi vào từ 1cm đến 1,27cm; khoảng cách giữa các đoạn văn đặt tối thiểu là 6pt; khoảng cách giữa các dòng hay cách dòng chọn tối thiểu từ cách dòng đơn hoặc từ 15pt trở lên.”

b) Đề nghị cơ quan soạn thảo đánh số trang theo quy định tại Điều 76 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, cụ thể:

“Điều 76. Khố giấy, định lề trang văn bản, phong chữ, đánh số trang văn bản

...

Trang của văn bản được đánh số thứ tự bằng chữ số Ả Rập, cỡ chữ từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng, không đánh số trang thứ nhất, được đặt canh giữa theo chiều ngang trong phần lề trên của văn bản. Số trang của phụ lục được đánh số riêng theo từng phụ lục.”

c) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh tên dự thảo Nghị quyết phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 và Điều 10 Thông tư số 124/2021/TT-BTC và điểm a khoản 2 Mục III Quyết định số 1804/QĐ-TTg. Đề xuất điều chỉnh như sau:

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định mức chi hỗ trợ đào tạo thành viên, lao động tại hợp tác xã nông nghiệp và mức hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại các hợp tác xã nông nghiệp giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh An Giang

d) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh điều chỉnh phần dưới tên dự thảo Nghị quyết:

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG KHÓA ... KỲ HỌP THỨ ...

đ) Căn cứ ban hành: đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh như sau:

Căn cứ thứ 6: “Căn cứ Thông tư số 124/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính, quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ;”

Tại Xét Tờ trình: “Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị Quyết Quy định mức chi hỗ trợ đào tạo và đưa lao động trẻ về làm việc tại các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.”

Tại khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định:

“Điều 61. Căn cứ ban hành văn bản

1. Căn cứ ban hành văn bản là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực hoặc đã được công bố hoặc ký ban hành chưa có hiệu lực nhưng phải có hiệu lực trước hoặc cùng thời điểm với văn bản được ban hành ...”

Do đó, việc sử dụng Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 và Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 29 tháng 06 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác gắn với tổ chức sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá

trị ngành hàng chủ lực tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025 làm căn cứ ban hành là không phù hợp.

Đề xuất cơ quan soạn thảo điều chỉnh theo cách thức sau: “*Thực hiện Quyết định số 1804/QĐ-TTg ...*”. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan soạn thảo cần nhắc sự cần thiết khi sử dụng văn bản cá biệt làm căn cứ ban hành của dự thảo Nghị quyết.

e) Điều 3: đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh như sau: “**Điều 3.** *Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang Khóa X Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2022, có hiệu lực từ ngày .. tháng .. năm 2022./.*”

g) Nơi nhận: đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Đồng thời điều chỉnh một số nội dung như sau:

Tại dòng thứ 8: “*Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*”

Tại dòng thứ 13: “*Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;*”

Tại dòng thứ 25: “*Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;*”

4. Dự thảo Quy định

a) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cách trình bày văn bản theo góp ý tại khoản 3 Công văn này.

b) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh nội dung chú thích về việc ban hành văn bản kèm theo quy định tại Mẫu số 17 ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và điểm c khoản 2 Điều 60 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, cụ thể:

“Điều 60. Tên văn bản

2. Tên văn bản được trình bày như sau:

c) Đối với văn bản được ban hành kèm theo thì nội dung chú thích về việc ban hành văn bản kèm theo được đặt trong ngoặc đơn, kiểu chữ nghiêng, cỡ chữ 14 và đặt cạnh giữa liền dưới tên văn bản.”

Theo đó, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh thành: “*(Kèm theo Nghị quyết số .../2022/NQ-HĐND ngày ...tháng ...năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)*”

c) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cách trình bày viện dẫn theo quy định tại khoản 16 Điều 1 và khoản 6 Mục V Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, cụ thể:

“Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 75 như sau:

“1. Khi viện dẫn lần đầu văn bản có liên quan, phải ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản; ngày, tháng, năm thông qua hoặc ký ban hành văn bản; tên cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản và tên gọi văn bản. Trong lần viện dẫn tiếp theo, đối với luật, pháp lệnh, ghi đầy đủ tên loại văn bản, tên gọi của văn bản; đối với các văn bản khác, ghi tên loại, số, ký hiệu của văn bản đó.”.”

“6. Trường hợp viện dẫn phân, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm của một văn bản cụ thể thì viết hoa chữ cái đầu của phân, chương, mục, tiểu mục, điều.

Ví dụ:

- Căn cứ Điều 10 của Luật Tổ chức Quốc hội...

- Căn cứ khoản 4 Điều 18 của Luật An toàn vệ sinh lao động...”.

d) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh cách trình bày giai đoạn phù hợp với tên dự thảo Nghị quyết như sau: “2022 – 2025” thành “2022-2025”.

đ) Điều 1: đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát Điều này với khoản 1 Điều 2. Đồng thời, đề xuất điều chỉnh như sau: “*Quy định mức chi hỗ trợ kinh phí ăn ở cho thành viên, người lao động tại hợp tác xã nông nghiệp tham gia đào tạo và mức hỗ trợ hàng tháng đối với lao động trẻ về làm việc tại các hợp tác xã nông nghiệp.*”

e) Điều 2: đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại khoản 1 với điểm a khoản 2 Mục III Quyết định số 1804/QĐ-TTg.

g) Điều 3: đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cách trình bày theo các góp ý nêu trên và đề xuất điều chỉnh từ “*Theo*” thành cụm từ “*Thực hiện theo quy định tại*”. Đồng thời, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát việc áp dụng quy định tại Thông tư số 124/2021/TT-BTC về nguyên hỗ trợ trên địa bàn tỉnh có phát sinh khó khăn, vướng mắc không. Nếu không phát sinh, đề xuất cơ quan soạn thảo không quy định lại các nội dung này tại dự thảo Nghị quyết do thừa.

h) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại tiêu đề Chương II do tiêu đề chưa phù hợp, còn dài dòng. Đề xuất cơ quan soạn thảo điều chỉnh thành:

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

i) Điều 4

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại tiêu đề của Điều 4 so với khoản 1 Điều 2. Đề xuất điều chỉnh tiêu đề thành “*Mức chi hỗ trợ đào tạo nâng cao*

năng lực đối với thành viên, người lao động” và bỏ cụm từ “đang làm công tác quản lý, chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ của các hợp tác xã nông nghiệp (thành viên, người lao động hợp tác xã nông nghiệp)” do thừa.

Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ dấu chấm cuối tiêu đề nhằm thống nhất trong toàn bộ dự thảo Quy định. Đồng thời, bỏ cụm từ “*mức lương tối thiểu vùng áp dụng theo quy định hiện hành*” do thừa.

Tại Điều này quy định: “*Chi hỗ trợ kinh phí ăn ở cho học viên ít nhất bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng/01 khóa đào tạo. Mức chi cụ thể phải được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phù hợp với khả năng cân đối của địa phương. Trường hợp khóa đào tạo có thời gian dưới 01 tháng thì thực hiện hỗ trợ theo số ngày thực tế tham gia khóa đào tạo (26 ngày/ 01 tháng).*”

Theo đó, đề nghị cơ quan soạn thảo lưu ý quy định cụ thể hơn về thời gian các khóa đào tạo ứng với mức chi cụ thể. Do tùy theo tình hình thực tế mà các khóa đào tạo có thời gian khác nhau. Đồng thời, quy định cụ thể, rõ ràng hơn đối với trường hợp khóa đào tạo có thời gian dưới 01 tháng. Theo quy định trên, việc phân biệt giữa trường hợp khóa đào tạo 01 tháng và khóa đào tạo dưới 01 tháng chưa được rõ ràng và cách tính mức chi hỗ trợ cũng chưa cụ thể, còn khó khăn trong việc áp dụng.

k) Điều 5

Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ dấu chấm cuối tiêu đề của Điều nhằm thống nhất trong toàn bộ dự thảo Quy định.

Đề nghị cơ quan soạn thảo nêu cơ sở, lý do việc áp dụng quy định về thời gian, số lượng hỗ trợ. Nếu phù hợp, đề xuất cơ quan soạn thảo điều chỉnh như sau:

“Điều 5. Hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại các hợp tác xã nông nghiệp

- 1. Mức hỗ trợ hàng tháng bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng.*
- 2. Thời gian hỗ trợ: tối đa 03 năm/người.*
- 3. Số lượng hỗ trợ: tối đa 02 người/hợp tác xã nông nghiệp/năm.”*

Đề xuất cơ quan soạn thảo rà soát, lưu ý sự cần thiết quy định cụ thể các giấy tờ, hồ sơ, chứng từ cần thiết phục vụ cho việc chi hỗ trợ, thanh toán đối với các nội dung hỗ trợ đã quy định.

l) Điều 6

Đề nghị cơ quan soạn thảo thiết kế nội dung nhằm quy định cụ thể hơn quy định về nguồn kinh phí, đồng thời lưu ý, tham khảo ý kiến góp ý của Sở Tài chính và Mục IV Quyết định số 1804/QĐ-TTg.

Đề nghị cơ quan soạn thảo giải trình rõ ràng hơn lý do không tiếp thu ý kiến góp ý của Sở Tài chính. Đồng thời, rà soát lại nội dung quy định tại Điều này cụ thể:

“Kinh phí thực hiện hỗ trợ đào tạo thành viên hợp tác xã nông nghiệp và đưa lao động trẻ về làm việc tại các hợp tác xã nông nghiệp từ nguồn ngân sách tỉnh (theo Điểm d, Khoản 2 Mục III Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ).”

Tại điểm d khoản 2 Mục III Quyết định số 1804/QĐ-TTg quy định:

“III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

2. Nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực kinh tế tập thể

d) Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ

- Đào tạo

+ Đối với thành viên, người lao động của tổ chức kinh tế tập thể: Ngân sách địa phương bảo đảm 100% kinh phí trả học phí, tài liệu học tập theo quy định của cơ sở đào tạo; hỗ trợ kinh phí ăn ở cho học viên ít nhất bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng.

...

- Đối với lao động trở về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể: Ngân sách địa phương hỗ trợ hàng tháng ít nhất bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng, tối đa 03 năm/người, tối đa 02 người/tổ chức kinh tế tập thể/năm.”

Trường hợp việc quy định nguồn ngân sách tỉnh là đúng quy định và đầy đủ, đề xuất cơ quan soạn thảo điều chỉnh Điều này như sau: “Kinh phí thực hiện hỗ trợ đào tạo và đưa lao động trẻ về làm việc tại các hợp tác xã nông nghiệp từ nguồn ngân sách tỉnh.”

m) Điều 7

Để đảm bảo thống nhất trong cách trình bày văn bản, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh tên cơ quan “Sở Nông nghiệp và PTNT” thành “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”. Nếu cần sử dụng cụm từ viết tắt tên cơ quan, đề nghị cơ quan soạn thảo quy ước viết tắt theo quy định tại khoản 4 Điều 69 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, cụ thể:

“Điều 69. Sử dụng ngôn ngữ trong văn bản

4. Từ ngữ viết tắt chỉ được sử dụng trong trường hợp cần thiết và phải giải thích nội dung của từ ngữ đó tại lần xuất hiện đầu tiên trong văn bản. Đối với văn bản sử dụng nhiều từ viết tắt, cần quy định riêng một điều giải thích toàn bộ các từ viết tắt trong văn bản.”

Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ dấu hai chấm “:” sau tiêu đề khoản 1 nhằm thống nhất cách trình bày trong toàn bộ dự thảo Quy định.

Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh tên Luật tại khoản 3, cụ thể: “Luật Ngân sách nhà nước”.

n) Điều 8: đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh khoản 1 như sau: “1. Các nội dung khác có liên quan không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày ...”. Đồng thời, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát việc quy định nội dung này có cần thiết không, theo Thông tư số 124/2021/TT-BTC chỉ quy định Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cụ thể về “Nội dung hỗ trợ đào tạo” và “Nội dung hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể” tại khoản 1 Điều 9 và Điều 10, nên quy định này là không thật sự cần thiết. Theo đó, các nội dung còn lại sẽ thực hiện theo các văn bản có liên quan, cụ thể là Thông tư số 124/2021/TT-BTC và Quyết định số 1804/QĐ-TTg là đúng quy định và không cần thiết quy định thêm nội dung này.

5. Dự thảo Tờ trình

a) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cách trình bày văn bản theo góp ý tại khoản 3, 4 Công văn này và điều chỉnh cách trình bày Tiêu ngữ theo quy định tại khoản 2 Điều 56 và khoản 2 Điều 57 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, cụ thể:

“Điều 56. Quốc hiệu và Tiêu ngữ

2. Tiêu ngữ là: “Độc lập - Tự do - Hạnh phúc”. Tiêu ngữ được trình bày bằng chữ in thường, cỡ chữ từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng, đậm và ở liền phía dưới Quốc hiệu; chữ cái đầu của các cụm từ được viết hoa, giữa các cụm từ có gạch nối (-), có cách chữ; phía dưới có đường kẻ ngang, nét liền, có độ dài bằng độ dài của dòng chữ.

b) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh dự thảo Tờ trình theo quy định tại Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP và tên gọi dự thảo Tờ trình như sau:

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi hỗ trợ đào tạo thành viên, lao động tại hợp tác xã nông nghiệp và mức hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại các hợp tác xã nông nghiệp giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh An Giang

c) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh các căn cứ pháp lý như góp ý tại khoản 2 Công văn này. Đồng thời, đề nghị cơ quan soạn thảo thống nhất cách trình bày ngày, tháng, năm. Ví dụ: “ngày 01/01/2022” hay “ngày 01 tháng 01 năm 2022”.

d) Tại khoản 1 Mục II và Mục III: đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cách trình bày theo quy định tại khoản 2 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, cụ thể:

“Điều 62. Bố cục của văn bản

2. Mỗi điểm trong bố cục của văn bản chỉ được thể hiện một ý và phải được trình bày trong một câu hoàn chỉnh hoặc một đoạn, không sử dụng các ký hiệu khác để thể hiện các ý trong một điểm.”

đ) Để đảm bảo thống nhất trong cách trình bày văn bản, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, thống nhất sử dụng cụm từ “UBND” hay “Ủy ban nhân dân”. Nếu sử dụng cụm từ “UBND”, đề nghị cơ quan soạn thảo quy ước viết tắt theo quy định tại khoản 4 Điều 69 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, cụ thể:

“Điều 69. Sử dụng ngôn ngữ trong văn bản

4. Từ ngữ viết tắt chỉ được sử dụng trong trường hợp cần thiết và phải giải thích nội dung của từ ngữ đó tại lần xuất hiện đầu tiên trong văn bản. Đối với văn bản sử dụng nhiều từ viết tắt, cần quy định riêng một điều giải thích toàn bộ các từ viết tắt trong văn bản.”

e) Mục III: đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu và trình bày lại quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết hợp lý, rõ ràng và cụ thể nội dung hơn.

g) Mục IV: đề nghị cơ quan soạn thảo trình bày nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết và lý do áp dụng mức chi tại dự thảo Nghị quyết.

6. Ý kiến đề xuất

Nhằm đảm bảo dự thảo Nghị quyết được quy định chặt chẽ, dễ hiểu hơn, đề xuất cơ quan soạn thảo điều chỉnh cấu trúc như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

2. Đối tượng áp dụng

Điều 2. Nội dung chi và mức chi; nguồn kinh phí; lập dự toán, phân bổ kinh phí, quản lý và quyết toán kinh phí hỗ trợ

1. Hỗ trợ đào tạo nâng cao năng lực đối với thành viên, người lao động

2. Hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại các hợp tác xã nông nghiệp

3. Nguồn kinh phí

4. Lập dự toán, phân bổ kinh phí, quản lý và quyết toán kinh phí hỗ trợ

Điều 3. Tổ chức thực hiện”

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp kính gửi Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Giám đốc, Phó Giám đốc Sở;
- Công thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDKT&TDTHPL.

GIÁM ĐỐC

Cao Thanh Sơn